



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 5867-12/KQPT/2024

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP LONG

Tên khách hàng : **GIANG**
Địa chỉ : KCN Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : NT.241214.24; NT.241214.25
Ngày lấy mẫu : 14/12/2024 Thời gian phân tích: 16/12/2024-25/12/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	
				NT1-LG	NT2-LG
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	SMEWW 2550.B:2017	27,5	28,0
2.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185.C:2015	119	24,3
3.	pH	mg/L	TCVN 6492:2011	6,27	7,51
4.	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD5)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	351	10,3
5.	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	573	18,7
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	196	9,4
7.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	KPH	KPH
8.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	KPH	KPH
9.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	0,94	KPH
10.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	KPH	KPH
11.	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	4,86	KPH
12.	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	2,71	KPH
13.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	3,62	0,53
14.	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	5,86	0,89

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 230

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
 ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

15.	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	0,90	KPH
16.	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	3,24	0,06
17.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	8,57	0,75
18.	Tổng xianua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500.CN.C&E:2017	KPH	KPH
19.	Tổng phenol	mg/L	SMEWW 5530.C:2017	KPH	KPH
20.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	5,82	KPH
21.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	3,51	KPH
22.	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500.F-.B&D:2017	6,94	0,47
23.	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500.Cl-.B:2017	373	191
24.	Amoni	mg/L	TCVN 6179-1:1996	48,6	2,30
25.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	90,5	17,2
26.	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	13,7	1,40
27.	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH	0,38
28.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8081B	KPH	KPH
29.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8141B	KPH	KPH
30.	Polyclobiphenyl (PCB)	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US.EPA Method 8270D	KPH	KPH
31.	Coliforms	MPN/ 100mL	SMEWW 9221.B:2017	6,1 x 10 ⁵	1,7 x 10 ²
32.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	3,47	KPH
33.	Magie (Mg)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	KPH	KPH

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên/vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X	Y
NT1-LG	Nước thải tại hồ thu gom của hệ thống tập trung (chưa xử lý)	0642208	1158427

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRÁC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

VIMCERTS 230

NT2-LG	Nước thải đã xử lý từ trạm xử lý tập trung và lưu tại ao sinh học (tại cống xả vào ao sinh học)	0642209	1158416
--------	---	---------	---------

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.
- “KPT”: Phát hiện thấy.
- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.
- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 25. tháng 12. năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

